

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## ĐIỀU LỆ

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÁNG 01 NĂM 2022



## MỤC LỤC

Chương 1 ĐIỀU KHOẢN CHUNG .....	4
Điều 1. Định nghĩa .....	4
Điều 2. Hình thức và tên gọi Công ty .....	5
Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán .....	5
Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện .....	5
Điều 5. Thời hạn hoạt động .....	5
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật .....	5
Chương 2 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU .....	6
Điều 7. Vốn Điều lệ .....	6
Điều 8. Cổ phần .....	6
Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông .....	6
Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông .....	7
Điều 11. Cổ phần ưu đãi và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi .....	7
Điều 12. Cổ phiếu .....	8
Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông .....	8
Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần .....	9
Điều 15. Phát hành trái phiếu .....	10
Điều 16. Thanh toán tiền mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty .....	10
Điều 17. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần .....	10
Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty .....	10
Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại .....	11
Điều 20. Trả cổ tức .....	11
Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức .....	12
Chương 3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY .....	12
Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty .....	12
Điều 23. Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 24. Cuộc họp ĐHĐCĐ và triệu tập họp ĐHĐCĐ .....	14
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ .....	15
Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ .....	16
Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ .....	16
Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ .....	16
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ .....	17
Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ .....	17
Điều 31. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ .....	18
Điều 32. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản .....	19

**HD Capital JSC**

Điều 33. Biên bản họp ĐHĐCĐ . . . . .	21
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ . . . . .	21
Điều 35. Hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ . . . . .	22
Điều 36. Hội đồng quản trị . . . . .	22
Điều 37. Các cuộc họp của HĐQT . . . . .	23
Điều 38. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT . . . . .	24
Điều 39. Chủ tịch HĐQT . . . . .	24
Điều 40. Biên bản họp HĐQT . . . . .	24
Điều 41. Tổng Giám đốc . . . . .	25
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan . . . . .	26
Điều 43. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty . . . . .	26
Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT và Tổng giám đốc . . . . .	27
Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan . . . . .	27
Điều 46. Ban kiểm soát . . . . .	28
Điều 47. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp . . . . .	29
<b>Chương 4 NGHĨA VỤ, HẠN CHẾ VÀ ỦY QUYỀN.....</b>	<b>29</b>
Điều 48. Nghĩa vụ của Công ty . . . . .	29
Điều 49. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên của Công ty . . . . .	29
Điều 50. Ủy quyền hoạt động . . . . .	30
<b>Chương 5 TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>30</b>
Điều 51. Năm tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế . . . . .	30
Điều 52. Phân phối lợi nhuận, . . . . .	30
Điều 53. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin . . . . .	30
<b>Chương 6 GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....</b>	<b>31</b>
Điều 54. Giải thể . . . . .	31
Điều 55. Phá sản công ty . . . . .	31
Điều 56. Tổ chức lại công ty . . . . .	31
<b>Chương 7 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>32</b>
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ . . . . .	32
Điều 58. Hiệu lực của Điều lệ . . . . .	32
Điều 59. Điều khoản cuối cùng . . . . .	32

## Chương 1 ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh trong Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - “**Công ty**” được hiểu là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008.
  - “**Cổ đông**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
  - “**Cổ phần**” là các phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
  - “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
  - “**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này.
  - “**Những người có liên quan**” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
  - “**Luật doanh nghiệp**” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
  - “**Luật chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.
  - “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
  - “**Giấy phép thành lập và hoạt động**” là Giấy phép do UBKNN cấp lần đầu khi mới thành lập và Giấy phép điều chỉnh về sau, được gọi tắt là “GP TL&HD”;
  - “**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**” là Giấy chứng nhận do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty, được gọi tắt là “GCNDKKD”;
  - “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - “**DHDCD**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
  - “**HDQT**” là Hội đồng quản trị của Công ty.
  - “**Thông tin cổ đông**” gồm: họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND hoặc thẻ CCCD, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên; địa chỉ thường trú; quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

## **HD Capital JSC**

### **Điều 2. Hình thức và tên gọi Công ty**

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
2. Cổ đông góp vốn thành lập công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
4. Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.
5. Tên gọi Công ty:

Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt: **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ HD**

Tên đầy đủ viết bằng tiếng nước ngoài: **HD Capital JSC**

Tên giao dịch tiếng Việt: **Công Ty CP QLQ HD**

Tên giao dịch tiếng nước ngoài: **HDCapital**

### **Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán**

Công ty được thành lập để thực hiện các hoạt động sau đây theo quy định của pháp luật hiện hành:

- a. Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- b. Quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác theo qui định pháp luật.

### **Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện**

1. Trụ sở chính: Tầng 5, 22-24-26 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM.
  - Điện thoại : (84 28) 39151818
  - Số Fax : (84 28) 39151616
  - Website : [www.hdcap.vn](http://www.hdcap.vn)
2. Việc thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và phải được UBCKNN chấp thuận.

### **Điều 5. Thời hạn hoạt động**

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là không có thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp chứng khoán.
2. Công ty có thể giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền .

### **Điều 6. Người đại diện theo pháp luật**

Công ty có hai (02) Người đại diện theo pháp luật “NDDTPL” là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc của Công ty có quyền và nghĩa vụ được qui định trong Điều lệ này. NDDTPL của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác trong Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NDDTPL của Công ty.

**Chương 2 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU**

**Điều 7. Vốn Điều lệ**

- Vốn điều lệ của Công ty là: 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Số vốn này được chia làm: 5.000.000 (Năm triệu) cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 (Mười nghìn) đồng.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCD thông qua và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 8. Cổ phần**

1. Cổ phần của Công ty bao gồm các loại sau:
  - **Cổ phần phổ thông:** Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết. Tại thời điểm ban hành Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Tổng số cổ phần phổ thông là 5.000.000 (Năm triệu) cổ phần.
  - **Cổ phần ưu đãi:** Tùy theo tình hình thị trường và nhu cầu vốn của Công ty, HĐQT có thể kiến nghị lên ĐHĐCD để quyết định phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương cách áp dụng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

**Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện biểu Quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông;
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCD và các nghị quyết của ĐHĐCD;
  - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ trở lên có các quyền sau đây:
  - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty
  - b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có

## HD Capital JSC

thông tin Cổ đông; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
  - a. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:
  - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ ;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông và HĐQT.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### Điều 11. Cổ phần ưu đãi và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

1. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của ĐHĐCĐ. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
  - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;



## **HD Capital JSC**

- b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
  - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
  - d. Cổ phần ưu đãi khác theo quy định pháp luật về chứng khoán
2. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi do DHDCCD quyết định.
  3. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của DHDCCD.

### **Điều 12. Cổ phiếu**

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu như sau:
  - Tên, trụ sở Công ty
  - Số và ngày cấp GP TL&HD;
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - Thông tin cổ đông;
  - Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
  - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
  - Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải ghi rõ nội dung các quyền của cổ đông.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
4. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý sẽ do cổ đông nắm giữ cổ phiếu đó chịu trách nhiệm. Đề nghị cấp cổ phiếu mới của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
  - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
  - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty lập và lưu giữ sổ cổ đông từ khi được cấp GP TL&HD. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

## HD Capital JSC

- Thông tin cổ đông;
  - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.
  4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
  5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

### Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông;
  - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
  - a. Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (ba) số liên tiếp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
  - b. Thông báo phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty/ Thời hạn theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;
  - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng thời hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản

## **HD Capital JSC**

2 Điều 13 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 15. Phát hành trái phiếu**

Việc chào bán trái phiếu của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 16. Thanh toán tiền mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty**

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

### **Điều 17. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần**

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCD thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCD quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

## HD Capital JSC

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
  - a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty.
  - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ trụ sở Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

### Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

### Điều 20. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây: công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCD. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCD thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức đề bảo đảm đến

## HD Capital JSC

cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
  - c. Tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
  6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
  7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

### **Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 19 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 20 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

## **Chương 3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY**

### **Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:
  - ĐHĐCĐ;
  - HĐQT;
  - Ban kiểm soát
  - Ban điều hành
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty.
3. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 23. Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty có giá trị trên 75% tổng giá tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý);
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát (nếu có);
3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh đồng đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
  - a. Tổ chức là thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ Công ty có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;
  - b. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông Công ty có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.
4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
5. Văn bản, cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
  - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy CMND hoặc thẻ CCCD hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng người đại diện theo ủy

## HD Capital JSC

- quyền;
  - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
  - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
6. Người đại diện theo ủy quyền phải không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  7. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Công ty tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
  8. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp ĐHĐCĐ; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.
  9. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền

### **Điều 24. Cuộc họp ĐHĐCĐ và triệu tập họp ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a. Báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
  - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
  - a. HĐQT xét thấy cần thiết và lợi ích của Công ty;
  - b. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

## HD Capital JSC

5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
6. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy tại các khoản 5,6 và 7 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

### **Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có Thông tin cổ đông, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy chế quản trị Công ty.



**Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ**

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

**Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ**

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức (giao nhận hay email) để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã được đăng ký trong sổ cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - b. Phiếu biểu quyết.
4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

## HD Capital JSC

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

### Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo qui định tại Điều 27 Điều lệ này.

### Điều 30. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
  - d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc

## HD Capital JSC

- biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
  7. Người triệu tập hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:
    - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
    - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

### Điều 31. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
  - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
  - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
  - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 75% tổng giá tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý);
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều này:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

## HD Capital JSC

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 75% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 5, 6 và 8 Điều này.
  5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
  6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCD được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;
  7. Nghị quyết ĐHĐCD phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
  8. Nghị quyết ĐHĐCD về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 32. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ này;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCD, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy CMND hoặc thẻ CCCD hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy CMND hoặc thẻ CCCD hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công

## **HD Capital JSC**

ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 33. Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng

## **HD Capital JSC**

theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 35. Hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ**

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 36. Hội đồng quản trị**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT:
  - a. HĐQT có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, số thành viên HĐQT của từng nhiệm kỳ sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm và có thể có được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - b. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
  - c. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và không là thành viên HĐQT hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, người hành nghề quản lý quỹ của một công ty quản lý quỹ khác hoặc thành viên HĐQT hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý (PLI II thông tư 99/2020/TT-BTC nêu ban thông tin cá nhân).
3. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy

định của Luật doanh nghiệp.

- g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý) và hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23, khoản 1 và khoản 3 Điều 41 Điều lệ này;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCD ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCD, triệu tập họp ĐHĐCD hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCD thông qua nghị quyết;
  - l. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCD;
  - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
  - o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật doanh nghiệp.
4. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
  5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCD. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCD, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 37. Các cuộc họp của HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trừ lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ khai mạc.



## **HD Capital JSC**

- Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được trên 2/3 (hai phần ba) thành viên dự họp chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì Quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

### **Điều 38. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT**

- Chủ tịch HĐQT muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch, phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT họp để xem xét và quyết định. ,
- Các thành viên HĐQT muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.
- Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:
  - Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - Từ chức;
  - Bị bãi miễn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 39. Chủ tịch HĐQT**

- Chủ tịch được bầu trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.
- Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
  - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Quyết định của HĐQT;
  - Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
  - Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình khi vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ;
  - Quy định phương pháp làm việc trong HĐQT và phân công công tác các thành viên;
  - Thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc chưa được bổ nhiệm.
- Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

### **Điều 40. Biên bản họp HĐQT**

- Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp GP TL&HD, nơi đăng ký kinh doanh;

## HD Capital JSC

- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chữ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### Điều 41. Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
  - c. Có tối thiểu 04 năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
  - d. Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Chính phủ;
  - e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CK & TTCK trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
  - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

## **HD Capital JSC**

- f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý trong kinh doanh;

### **Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
  - a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên;
  - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
  - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
  - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

### **Điều 43. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây:

## HD Capital JSC

- a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
  - c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d. Công khai lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - e. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

### Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT và Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
  - a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này;
  - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

### Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
  - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
  - b. Thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải kê khai theo quy định.
2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý) ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội

## HD Capital JSC

đung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCD chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
  - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCD hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 31 Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

### Điều 46. Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên trong ban kiểm soát là 3 thành viên, số lượng này có thể thay đổi do ĐHĐCD quyết định. Nhiệm kỳ không quá 5 năm. Thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Mọi tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ thù lao, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy chế quản trị Công ty (nếu có).
4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:
  - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật;
  - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Có đơn từ chức;
  - Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát còn có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCD.
  - Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng trong nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCD để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu ra Ban kiểm soát thay thế mới.

**Điều 47. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp**

1. Tranh chấp giữa các cổ đông Công ty trước hết phải được giải Quyết thông qua thương lượng hòa giải;
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra xét xử tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam. Quyết định của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam là cuối cùng.

**Chương 4 NGHĨA VỤ, HẠN CHẾ VÀ ÚY QUYỀN**

**Điều 48. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
2. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro một cách hữu hiệu để bảo vệ tài sản của Công ty và của khách hàng theo đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ quỹ, hợp đồng ủy thác đầu tư, các chương trình quản lý quỹ hưu trí tự nguyện (nếu có) và các thỏa thuận khác giữa Công ty và khách hàng.
3. Công ty cam kết tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.
4. Công ty cam kết tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Công ty cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền.
6. Công ty cam kết tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 49. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên của Công ty**

1. Công ty không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên HĐQT và nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty và người có liên quan của Công ty chỉ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.
3. Công ty và người có liên quan chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo quy định pháp luật.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch
5. Thành viên HĐQT và nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào ngoài các khoản phí thưởng theo quy định pháp luật.
6. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

## **HD Capital JSC**

7. Công ty đảm bảo hoạt động quản lý tài sản ủy thác, tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật.

### **Điều 50. Ủy quyền hoạt động**

1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, Công ty có thể:
  - a. Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;  
Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư ở nước ngoài.

## **Chương 5 TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**

### **Điều 51. Năm tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 cùng năm.
2. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê, báo cáo và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của công ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

### **Điều 52. Phân phối lợi nhuận,**

1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, lợi nhuận sau thuế của công ty cuối năm tài chính phải được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ sẽ do ĐHĐCĐ Công ty quyết định.
2. Công ty chỉ phân chia lợi nhuận cho các cổ đông dựa trên nguyên tắc:
  - a. Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b. Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận, nghĩa là: không có nợ quá hạn, không có nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được, không đảo nợ, dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;
  - c. Công ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. HĐQT chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách cổ đông, thành viên được phân chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.
4. Khi kinh doanh thua lỗ, công ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.
5. Việc trích lập các quỹ theo đề xuất của HĐQT và được ĐHĐCĐ thông qua.

### **Điều 53. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Công ty và

## HD Capital JSC

các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải lưu trữ đầy đủ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử của công ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau:
  - a. Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
  - b. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
  - c. Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 năm gần nhất;

## Chương 6 GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

### Điều 54. Giải thể

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - a. Giải thể tự nguyện theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - b. Bị thu hồi Giấy phép TL&HD kinh doanh chứng khoán.
2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán, việc giải thể thực hiện theo quy định pháp luật về phá sản.
3. Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể Cổ đông hoặc HĐQT không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản công ty.

### Điều 55. Phá sản công ty

Việc phá sản công ty được tiến hành theo các quy định của Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn.

### Điều 56. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện tổ chức lại theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật về doanh nghiệp.
2. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, công ty, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành phải:
  - a. Bảo đảm an toàn tài sản của công ty, không được cắt gấu, tẩu tán tài sản của công ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;
  - b. Các công ty tham gia tổ chức lại có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi công ty hình thành sau tổ chức lại được cấp, điều chỉnh GP TL&HD;
  - c. Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc công bố thông tin.
3. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần. Chủ nợ có quyền yêu cầu Công ty hoàn trả khoản vay khi thực hiện tổ chức lại. Các yêu cầu nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



**Chương 7 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ công ty quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng quy định của pháp luật đó.

**Điều 58. Hiệu lực của Điều lệ**

1. Bản Điều lệ này gồm 07 chương 59 điều được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24 tháng 01 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Điều 59. Điều khoản cuối cùng**

1. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Chủ tịch HĐQT.
2. Bất kỳ cổ đông nào tham gia góp vốn hay nhận chuyển nhượng cổ phần sau ngày Điều lệ này có hiệu lực đương nhiên phải tuân thủ các Điều khoản của Điều lệ này một cách vô điều kiện và không hủy ngang.

TP. HCM Ngày 24 tháng 01 năm 2022



**ĐƯƠNG THẾ QUANG**  
Chủ tịch HĐQT

